

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2020
“V/v Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghè

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Danh Vũ Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 140/2020/TLST-HNGĐ, ngày 22/5/2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Nhật L, sinh năm 1998 (có mặt);

Địa chỉ: ấp 11, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 06/5/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mai Nhật L trình bày:

Vào ngày 16/01/2019, chị kết hôn cùng với anh Nguyễn Hồng Q sau 02 năm tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 11/02/2019.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được 08 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không phù hợp nhau, anh Q còn hay nhậu say rồi đánh chị nên vợ chồng đã tự ly thân từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay. Nay, chị nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định không có.

Tại phiên tòa: Về hôn nhân, chị Mai Nhật L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hồng Q; Về con chung, tài sản chung, nợ chung, chị L đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Hồng Q không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Q không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận cho chị Mai Nhật L được ly hôn với anh Nguyễn Hồng Q; Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Mai Nhật L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hồng Q được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Anh Nguyễn Hồng Q với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về hôn nhân: Chị Mai Nhật L và anh Nguyễn Hồng Q xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2019, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 18/2019, ngày 11/02/2019, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Mai Nhật L xin được ly hôn với anh Nguyễn Hồng Q vì lý do tính tình không phù hợp nhau, anh Q còn hay nhậu say rồi đánh chị làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và vợ chồng đã tự ly thân với nhau từ tháng 12/2019 đến nay. Đối với anh Nguyễn Hồng Q, Tòa án đã nhiều

lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh Q đều không có mặt. Tại phiên tòa, chị L khai rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng chị đã không thể hàn gắn, chị cũng không còn tình cảm với anh Q nên chị cương quyết ly hôn. HĐXX thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định vợ chồng chị không có con chung, không có tài sản chung cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ chị L phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Mai Nhật L được ly hôn với anh Nguyễn Hồng Q.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Mai Nhật L phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008906, ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị L đã nộp xong án phí.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thành Nghè